

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 27/2019/DS-ST

Ngày: 12/9/2019

“V/v tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngự

2. Ông Trương Thoại Lượng

- Thư ký Tòa án: Bà Lưu Thị Thúy Vy, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2016 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019; **Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST- DS ngày 13/8/2019; giữa các đương sự:**

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T

2. **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Liên H (Huỳnh Thị Liêng H), sinh năm 1944 (Vắng mặt)

Địa chỉ số: 296 ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh 1963 (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Quốc K, sinh 1965 (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Trung T, sinh 1967 (chết 2011).

Cùng địa chỉ: ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Trung T:

Bà Danh Thị T, sinh 1958 (Có mặt).

Địa chỉ số: 6, khóm 5, phường 7, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T.

Bà **Nguyễn Thị Ngọc E**, sinh 1993 (Vắng mặt).

Ông **Nguyễn Trung T**, sinh 1995 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2016; các biên bản hòa giải ngày 20/7/2016; ngày 17/01/2017, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Cha ruột của bà N tên là Nguyễn Trọng Q (chết năm 1975), mẹ kế là bà Huỳnh Thị Liên H. Ông Q và bà H có 03 người con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Trung T (chết 2011), có vợ là tên là Danh Thị T và 02 đứa con tên bà Nguyễn Thị Ngọc E và ông Nguyễn Trung T.

Khi ông Q chết không có để lại di chúc, nhưng có để lại tài sản là 02 thửa đất: Thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7, diện tích: 11.578m², tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Mỹ T (nay là huyện Châu T), tỉnh Sóc T; thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, diện tích: 268m², tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Mỹ T (nay là huyện Châu T), tỉnh Sóc T. Hiện nay do mẹ kế là bà H đang quản lý, sử dụng, nên bà N yêu cầu bà H cho 02 công tằm lớn đất ruộng (2.600m²) của thửa đất 548 và một phần đất thổ cư thửa 631, diện tích khoảng: 72m² (ngang 4m x dài 18m), nhưng bà H không đồng ý.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H chia 02 công tằm lớn đất ruộng (2.600m²) của thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7, tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T và phần đất thổ cư diện tích khoảng: 72m² (ngang 4m x dài 18m) của thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Tại các biên bản hòa giải ngày 20/7/2016; ngày 17/01/2017, bị đơn bà Huỳnh Thị Liên H trình bày: Bà H và ông Q (chết năm 1975) là vợ chồng, có 03 người con chung tên: Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Trung T. Ông T (chết năm 2011), có vợ là bà Danh Thị T và 02 con tên: bà Nguyễn Thị Ngọc E và ông Nguyễn Trung T. Bà H thừa nhận đang quản lý, sử dụng 02 thửa đất: Thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7, diện tích: 11.578m², tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T và thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, diện tích: 268m², tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Đối với thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7, diện tích: 11.578m², tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, đây là phần đất của cha ruột bà tên là: Huỳnh Kim Đ cho tặng riêng bà H trước khi gặp ông Q, đây là tài sản riêng của bà, đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T (nay là huyện Châu T), tỉnh Sóc T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số 2098 ngày 01/10/1991, nên bà không đồng ý chia cho bà N.

Còn đối với thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, diện tích: 268m², tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, đây là phần đất bà mua riêng cũng được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T (nay là huyện Châu T), tỉnh Sóc T cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số 367 ngày 25/9/1991, đây cũng là tài sản riêng của bà. Nhưng bà tự nguyện cho thừa đất 631 cho 04 người con: Bà Nguyễn Thị Thu N, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Quốc K và ông Nguyễn Trung T (chết 2011), sau khi trừ căn nhà bà H đang ở ra.

Nay bà N yêu cầu chia 2.600m² thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7 tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T và phần đất thổ 72m² (ngang 4m x dài 18m), thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T bà H không đồng ý. Nhưng bà tự nguyện cho thừa đất 631 cho 04 người con (Bà Nguyễn Thị Thu N, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Quốc K và ông Nguyễn Trung T), mỗi người một phần, sau khi trừ căn nhà bà H đang ở trên đất ra.

Tại các biên bản hòa giải ngày 20/7/2016; ngày 17/01/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc K trình bày: Theo ông biết thì thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7, diện tích: 11.578m², tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của ông ngoại tên là: Huỳnh Kim Đ cho mẹ ông là bà H, nên đây là tài sản riêng của bà H. Còn thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, diện tích: 268m², tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, đây là phần đất bà H mua riêng, trên đất có căn nhà của bà H và một căn nhà của ông K đang ở.

Nay ông thống nhất theo ý kiến của bà H, thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, sau khi trừ phần đất của căn nhà bà H, số đất còn lại chia làm 04, cho bà N một phần, còn 03 phần còn lại gia đình tự giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Liên H, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Ngọc E, ông Nguyễn Trung T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông, bà nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 14/6/2016 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Liên H chia 02 công tằm lớn đất ruộng (2.600m²), thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7, tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu Th, tỉnh Sóc T và phần đất thổ cư 72m² (ngang 4m x dài 18m), thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung".

[3] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Liên H chia 02 công tằm lớn đất ruộng 2.600m², thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7, tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện

Châu T, tỉnh Sóc T và phần đất thổ cư 72m² (ngang 4m x dài 18m), thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

[4] Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N cho rằng sau khi mẹ bà chết, ông Nguyễn Trọng Q là cha của bà cưới mẹ kế là bà Huỳnh Thị Liên H và sống chung có 03 người con tên: bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Quốc K và ông Nguyễn Trung T, còn bà N là con riêng của ông Q. Trong thời gian ông Q và bà H chung sống có lập được 02 thửa đất: Thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7, diện tích: 11.578m², tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T và thửa đất số: 631, tờ bản đồ số 6, diện tích: 268m², tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, do bà H đang quản lý và sử dụng.

Đến ngày 30/4/1975, ông Q chết không có để lại di chúc, nên bà N là con riêng của ông Nguyễn Trọng Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H mẹ kế chia 2600m² đất ruộng của thửa: 548, tờ bản đồ số 7, diện tích: 11.578m², tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T và phần đất thổ cư ngang 72m² (ngang 4m x dài 18m) của thửa đất số: 631, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

[5] Tại các biên bản hòa giải ngày 20/7/2016; ngày 17/01/2017, bị đơn bà Huỳnh Thị Liên H cho rằng thửa đất số: 548, tờ bản đồ số 7, diện tích: 11.578m², tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của ông Huỳnh Kim Đ cha ruột của bà H cho bà H, đây là tài sản riêng của bà H, bà H không đồng ý chia theo yêu cầu cho bà N. Còn đối với thửa đất số: 631, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, đây là phần đất bà H mua riêng, trên đất có căn nhà của bà H và một căn nhà của ông K đang ở, không đồng ý chia theo yêu cầu của bà N. Nhưng bà tự nguyện cho bà N một phần của thửa đất 631, sau khi trừ phần đất của căn nhà bà H đang ở ra, số đất còn lại chỉ làm 04, cho bà N một phần, trong 04 phần, còn 03 phần đất còn lại khi nào các con bà có nhu cầu về nhà ở thì bà tự cho không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Tại các biên bản hòa giải ngày 20/7/2016; ngày 17/01/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K đồng ý theo ý kiến của bà H.

[7] Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị Thu N kiện bà Huỳnh Thị Liên H yêu cầu chia tài sản chung là 02 công đất ruộng tầm lớn (2.600m²) của thửa đất số: 548, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ (nay là huyện Châu T), tỉnh Sóc T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số 2098 ngày 01/10/1991 cho bà Huỳnh Thị Liên H và phần đất thổ cư 72m² (ngang 4m x dài 18m) của thửa đất số 631 tờ bản đồ số 6, đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T (nay là huyện Châu T), tỉnh Sóc T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số 367 ngày 25/9/1991 bà Huỳnh Thị Liên H.

Bà N cho rằng đây là tài sản của ông Nguyễn Trọng Q cha bà trước khi chết để lại cho bà H (mẹ kế) quản lý, sử dụng. Ông Q chết ngày 30/4/1975,

không có để lại di chúc, thời hiệu chia thừa kế đã hết, nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của ông Q để lại cho bà H, nhưng bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh 02 thửa đất (548; 631) là của ông Q để lại.

Tại các biên bản hòa giải ngày 20/7/2016; ngày 17/01/2017, bà H cho rằng thửa đất số: 548 là của ông Huỳnh Văn Đ cha ruột bà cho, nên bà không đồng ý chia cho bà N 2.600m², còn đối với thửa đất số 631 là do bà tự mua riêng, không phải của ông Nguyễn Trọng Q (chết) để lại, bà cũng không đồng ý chia theo yêu cầu của bà N. Nhưng bà tự nguyện cho bà N một phần của thửa đất 631, sau khi trừ phần đất của căn nhà bà H đang ở ra, số đất còn lại chỉ làm 04, cho bà N một phần, trong 04 phần, còn 03 phần đất còn lại khi nào các con bà có nhu cầu về nhà ở thì bà tự cho không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với ông K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại các biên bản hòa giải ngày 20/7/2016; ngày 17/01/2017, thống nhất ý kiến bà H (mẹ) và cũng không có yêu cầu gì đối với 02 thửa đất nêu trên. Còn bà Nguyễn Thị Thu H cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì.

Đối với bà T, bà E và ông T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T, trong quá trình giải quyết vụ án bà E, ông T đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Còn đối với bà T có mặt tại phiên Tòa và cũng không có yêu cầu gì.

Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 01/8/2016, thì phần thửa đất số 548, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T có số đo tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp Kênh có số đo: 100 m;
- Phía Tây giáp thửa đất số 522 có số đo: 85,7 m;
- Phía Nam giáp thửa đất số 565 có số đo: 148,5 m;
- Phía Bắc giáp thửa đất số 520 có số đo: 81,8 m;
- Diện tích: 8712,7m², loại đất lúa.

Thửa đất số: 631, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Châu Thành, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng có số đo tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa 632 có số đo: 17,9 m;
- Phía Tây giáp Hẻm có số đo: 17,9 m;
- Phía Nam giáp thửa đất số 630 có số đo: 11,3 m;
- Phía Bắc giáp Hẻm có số đo: 11,4 m;
- Diện tích: 203,165m²(T).

Trên thửa đất 631, có 02 căn nhà:

* Căn nhà 01: Ông Nguyễn Quốc K đang sử dụng:

- Diện tích: [(Nng trước 2,7 + Nng sau 2,5)/2] x dài 14,85 = 38,6m²

- Kết cấu: Khung cột Bê tông cốt thép, mái tol, không trần, nền trước gạch Men, nền sau gạch Tàu, cửa gỗ.

* Căn nhà 02: Bà Huỳnh Thị Liên H đang sử dụng quản lý.

- Diện tích: [(Nng trước 4,3 + 3,1 + Nng sau 7,2)/2] x dài 15,3m = 83,5m²

- Kết cấu: Khung cột Bê tông cốt thép, mái tol, không trần, nền trước gạch Men 1/2, gạch bông 1/2, cửa gỗ.

* Phần đất nguyên đơn yêu cầu chia:

- Phía Đông giáp nhà bị đơn H đang sử dụng có số đo: 17,9 m;

- Phía Tây giáp Hẻm có số đo: 17,9 m;

- Phía Nam giáp thửa đất số 630 có số đo: 4 m;

- Phía Bắc giáp Hẻm có số đo: 4m;

- Diện tích: 71,6m²(T).

Trên phần đất tranh chấp có vật kiến trúc: Chuồng heo diện tích: Nng 1,6m x dài 4,3m = 6,88m², nhà tắm có diện tích: Nng 1,6 x dài 1,6 = 2,56m².

Trên phần đất tranh chấp có 1/2 căn nhà sau bị đơn H đang sử dụng, diện tích: Nng 2,4m x dài 5,9m = 14,16m² (Toàn bộ vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng),

Tại Công văn số 121/UBND ngày 21/5/2019 của Ủy ban nhân xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T: V/v trả lời Công văn số 22/CV- TA ngày 18/3/2019 của Tòa án huyện Châu Thành, thì: UBND xã An N xác minh nguồn gốc thực tế tại địa bàn, thửa đất số 548, tờ bản đồ số: 7, tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, nhưng ở địa phương không ai biết về nguồn gốc đất. Qua kiểm tra sổ mục kê đất đai tại thửa đất số 548, tờ bản đồ số: 7, tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, do bà H đứng tên. Do đó đối với thửa đất số 548, bà N yêu cầu bà H chia cho 2.600m² là không có cơ sở. Vì bà N không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ; mặc khác bà H là người quản lý, sử dụng thửa 548 không đồng ý chia và đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T (nay là huyện Châu T), tỉnh Sóc T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số 2098 ngày 01/10/1991 cho bà Huỳnh Thị Liên H.

Đối với thửa đất số 631, tờ bản đồ số 6, diện tích: 203,165m² (đo đạc thực tế) tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, bà N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Mặc khác bà H là người quản lý, sử dụng thửa 631, bà cho rằng tự mua không phải ông Q cha bà N để lại và cũng được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T (nay là huyện Châu T), tỉnh Sóc T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số 367 ngày 25/9/1991 bà Huỳnh Thị Liên H, nên đối với thửa đất số 631 cũng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N buộc bà H chia cho 72m² (ngang 4m x dài 18m). Tuy nhiên tại các biên bản hòa giải ngày 20/7/2016; ngày 17/01/2017, bà H tự nguyện cho bà N 01 phần, sau khi trừ phần đất căn nhà bà đang ở ra, số diện tích đất còn lại chia làm 04, bà N được 01 phần. Vì bà H có 04 người con (Nguyễn Thị Thu N, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Quốc K và

ông Nguyễn Trung T). Nên Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của bà H cho bà N một phần đất.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 01/8/2016, thì thửa đất số: 631, tờ bản đồ số 6, diện tích: $203,165\text{m}^2$, phần đất căn nhà của bà H đang ở có diện tích đất là: $83,5\text{m}^2$ ($203,165\text{m}^2 - 83,5\text{m}^2 = 119,665\text{m}^2$), nên diện tích còn lại: $119,665\text{m}^2 : 04 = 29,916\text{m}^2$ ($119,665\text{m}^2 : 4 = 29,916\text{m}^2$), đây chính là diện tích đất bà H tự nguyện cho bà N, có số đo và vị trí như sau:

- Phía Đông giáp đất bị đơn H đang sử dụng có số đo: 7,479 m;
- Phía Tây giáp Hẻm có số đo: 7,479 m;
- Phía Nam giáp đất bị đơn H đang sử dụng có số đo: 4 m;
- Phía Bắc giáp Hẻm có số đo: 4m;
- Diện tích: $29,916\text{m}^2$, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 367 ngày 25/9/1991 cấp cho bà Huỳnh Thị Liên H,

[8] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát cho rằng HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo về thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa theo quy định BLTTDS năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Huỳnh Thị Liên H chia 02 công tằm lớn đất ruộng (2.600m^2) của thửa đất số: 548, tờ bản đồ số: 7, tọa lạc tại ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T và phần đất thổ cư diện tích khoảng: 72m^2 (Nng 4m x dài 18m) của thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6, tọa lạc tại ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Ghi nhận sự tự nguyện bà H, bà Nguyễn Thị Thu N được quyền sử dụng phần đất có diện tích $29,916\text{m}^2$ tại thửa 631 tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T có số đo tứ cận:

- Phía Đông giáp đất bị đơn H đang sử dụng có số đo: 7,479 m;
- Phía Tây giáp Hẻm có số đo: 7,479 m;
- Phía Nam giáp đất bị đơn H đang sử dụng có số đo: 4 m;
- Phía Bắc giáp Hẻm có số đo: 4m.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Liên H chia tài sản chung của 02 thửa đất số: 548 và 631 (thửa đất số 548 là 2.600m^2 , thửa đất 631 là 72m^2) là không có căn cứ. Do đó áp dụng Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu N kiện bà Huỳnh Thị Liên H chia tài sản chung của 02 thửa đất số: 548 và 631 (thửa đất số 548 là 2.600m^2 , thửa đất 631 là 72m^2). Ghi nhận sự tự nguyện của bà H cho bà N $29,916\text{m}^2$.

[10] *Về chi phí tố tụng*: Hết 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền bà N đã tạm ứng trước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) ngày 20/7/2016; bà N đã nộp xong chi phí tố tụng.

[11] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, sinh năm 1959 thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi), nên Hội đồng xét xử quyết định cho nguyên đơn được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 9 Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Áp dụng Điều 219 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

- Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu N khởi kiện Huỳnh Thị Liên H về việc yêu cầu chia tài sản chung của 02 thửa đất số: 548 tọa lạc ấp Xà L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T và 631 tọa lạc ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (Thửa đất số 548, tờ bản đồ số 7 yêu cầu được chia diện tích là 2.600m², thửa đất 631 tờ bản đồ số 06 yêu cầu được chia diện tích 72m²).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Liên H (Huỳnh Thị Liêng H) cho bà Nguyễn Thị Thu N diện tích đất; 29,916m², thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 6 tọa lạc ấp Châu T, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, có số đo và vị trí như sau:

- Phía Đông giáp đất bị đơn H đang sử dụng có số đo: 7,479 m;

- Phía Tây giáp Hẻm có số đo: 7,479 m;

- Phía Nam giáp đất bị đơn H đang sử dụng có số đo: 4 m;

- Phía Bắc giáp Hẻm có số đo: 4m;

- Diện tích: 29,916m², nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vào sổ cấp số 367) do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T cấp cho bà Huỳnh Thị Liêng H (Liên H) ngày 25/9/1991.

Về chi phí tố tụng: Hết 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền bà N đã tạm ứng trước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) ngày 20/7/2016; bà N đã nộp xong chi phí tố tụng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu N 2.780.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002037 ngày 17/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo T từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh